TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2024/DS-ST
Ngày 08-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng;

2. Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 ,giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

01. Ông Vũ Đức L, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

02. Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày: Bà và vợ chồng ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T, hộ khẩu thường trú ấp T, xã K có cùng bà tham gia chơi hụi với nhau, bà T chơi 3 phần:

Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 10 tháng 02 năm 2021, hụi 3.000.000 đồng, bà T chơi 2 phần, bà T còn thiếu 07 tháng chưa đóng với số tiền 07 tháng x 3.000.000 đồng x 2 phần = 42.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Khui ngày 01 tháng 02 năm 2022, hụi 3.000.000 đồng, bà T chơi 2 phần, bà T còn thiếu 15 tháng chưa đóng với số tiền 15 tháng x 3.000.000 đồng x 2 phần = 90.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Khui ngày 06 tháng 06 năm 2022, hụi 5.000.000, bà T chơi 01 phần, bà T còn thiếu 20 tháng chưa đóng 20 tháng x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

Bà đã đến nhà bà nhiều lần để đòi tiền và vào ngày 24 tháng 01 năm 2023 âm lịch vợ chồng ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T làm giấy nhận nợ tổng số tiền 03 khoản là 232.000.000 đồng và hẹn sẽ bán đất để trả số tiền nợ trên cho bà.

Cho đến nay, thời gian rất lâu vợ chồng ông L, bà T vẫn không trả nợ nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà T trả số tiền 232.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và thẩm quyền giải quyết: Bà Mai Thị N khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ từ hoạt động hụi nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà N cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Theo như giấy biên nhận do bà N xuất trình đã thể hiện giữa bà N và ông L, bà T có tham gia chơi hụi với nhau trong đó bà N là chủ hụi, ông L, bà T là hụi viên trong cùng chân hụi. Mặc dù giấy biên nhận không thể hiện rõ số tiền ông L, bà T đã hốt hụi nhưng qua giấy biên nhận thể hiện dây hụi thứ nhất mở ngày 10 tháng 02 năm 2021, hụi 3.000.000 đồng, bà T chơi 2 phần, bà T còn thiếu 7 tháng chưa đóng với số tiền 7 tháng x 3.000.000 đồng x 2 phần = 42.000.000 đồng. Dây hụi thứ hai mở ngày 01 tháng 02 năm 2022, hụi 3.000.000 đồng, bà T chơi 2 phần, bà T còn thiếu 15 tháng chưa đóng với số tiền 15 tháng x 3.000.000 đồng x 2 phần = 90.000.000 đồng. Dây hụi thứ ba mở ngày 06 tháng 06 năm 2022, hụi 5.000.000,

bà T chơi 1 phần, bà T còn thiếu 20 tháng chưa đóng 20 tháng x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng. Tại cuối giấy biên nhận, ông L bà T có xác nhận còn nợ của bà N số tiền hụi chết là 232.000.000 đồng và ký xác nhận vào cuối trang. Như vậy có đủ cơ sở để xác định ông L, bà T có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi. Ông bà đã hốt hụi và vẫn còn nợ của bà N số tiền hụi chết là 232.000.000 đồng. Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, buộc ông L, bà T trả cho bà N số tiền 232.000.000 đồng. Mặc dù ông L và bà T đã ly hôn theo bản án số 369 ngày 07/11/2023 của Toà án Trần Văn T1 nhưng khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên ông L, bà T phải liên đới trả cho bà N số tiền trên, trong đó phần của ông L là 116.000.000 đồng, phần của bà T là 116.000.000 đồng theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L, bà T phải chịu là 232.000.000 đồng * 5% = 11.600.000 đồng. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T liên đới trả cho bà Mai Thị N 232.000.000 (hai trăm ba mươi hai triệu) đồng; trong đó phần của ông Vũ Đức L là 116.000.000 (một trăm mười sáu triệu) đồng và phần của bà Trần Thị T là 116.000.000 (một trăm mười sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T phải chịu 11.600.000 (mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Mai Thị N 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004983 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp